BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 62/2011/TT-BGTVT	*Hà Nội, ngày 21 tháng 12 năm 2011*

THÔNG TƯ
Quy định việc cấp phép bay cho các chuyến bay thực hiện hoạt động bay dân dụng tại Việt Nam

Căn cứ Luật Hàng không dân dụng Việt Nam ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Nghị định số 51/2008/NĐ-CP ngày 28 tháng 4 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Nghị định số 94/2007/NĐ-CP ngày 04 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ về quản lý hoạt động bay;

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định việc cấp phép bay cho các chuyến bay thực hiện hoạt động bay dân dụng tại Việt Nam như sau:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về:

1. Cơ quan cấp, sửa đổi, hủy bỏ phép bay cho chuyến bay thực hiện hoạt động bay dân dụng tại Việt Nam.

2. Trách nhiệm của cơ quan cấp phép bay; thủ tục cấp phép bay cho chuyến bay thực hiện hoạt động bay dân dụng tại Việt Nam bao gồm: chuyến bay thường lệ, không thường lệ đến và đi từ lãnh thổ Việt Nam; chuyến bay thường lệ, không thường lệ qua vùng trời Việt Nam.

3. Thủ tục nhận thông báo bay đối với chuyến bay qua, bay trong phần vùng thông báo bay trên biển quốc tế do Việt Nam quản lý.

4. Việc lập và triển khai kế hoạch hoạt động bay.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với mọi tổ chức, cá nhân liên quan đến việc cấp phép bay cho các chuyến bay thực hiện hoạt động bay dân dụng tại Việt Nam.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. **Phép bay:** là văn bản hoặc hiệu lệnh do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp, xác định điều kiện và giới hạn được phép hoạt động của tàu bay.

2. **Chuyến bay:** là việc khai thác tàu bay từ khi cất cánh đến khi hạ cánh tiếp theo qua hoặc trong vùng trời trên lãnh thổ Việt Nam, phần vùng thông báo bay trên biển quốc tế do Việt Nam quản lý.

3. **Chuyến bay thường lệ:** là chuyến bay vận chuyển thương mại được thực hiện đều đặn theo lịch bay được công bố và được mở công khai cho công chúng sử dụng.

4. **Chuyến bay không thường lệ:** là chuyến bay không phải là chuyến bay thường lệ.

5. **Chuyến bay đi đến:** là chuyến bay có điểm cất cánh hoặc hạ cánh hoặc hạ cánh và cất cánh trong lãnh thổ Việt Nam.

6. **Chuyến bay quá cảnh:** là chuyến bay qua vùng trời Việt Nam, không có điểm hạ cánh và cất cánh trong lãnh thổ Việt Nam.

7. **Chuyến bay quốc tế:** là chuyến bay qua, đến hoặc đi từ lãnh thổ của hai hoặc nhiều quốc gia.

8. **Chuyến bay nội địa:** là chuyến bay có điểm cất cánh và hạ cánh trong lãnh thổ Việt Nam.

9. **Chuyến bay vận chuyển thương mại:** là chuyến bay vận chuyển hành khách, hành lý, hàng hóa, bưu phẩm, bưu kiện, thư nhằm mục đích sinh lợi.

10. **Chuyến bay kinh doanh hàng không chung:** là chuyến bay thực hiện hoạt động hàng không chung nhằm mục đích sinh lợi.

11. **Chuyến bay chuyển sân:** là chuyến bay được thực hiện để đưa tàu bay về cơ sở sửa chữa hoặc bảo dưỡng (bao gồm trường hợp tàu bay có Giấy chứng nhận đủ điều kiện bay tạm thời bị mất hiệu lực) hoặc quay đầu tàu bay hoặc di chuyển tàu bay đến sân bay khác không nhằm mục đích sinh lợi.

12. **Chuyến bay của tàu bay công vụ:** là chuyến bay của tàu bay quân sự, tàu bay chuyên dụng của lực lượng hải quan, công an và chuyến bay của các tàu bay dân dụng sử dụng hoàn toàn cho mục đích công vụ nhà nước.

13. **Trường hợp cấp thiết:** là trường hợp khi tàu bay đang bay có hỏng hóc kỹ thuật, có hành khách phải cấp cứu, gặp điều kiện thời tiết xấu, an toàn, an ninh của chuyến bay bị uy hiếp tới mức độ phải thay đổi một phần kế hoạch bay để bảo đảm an toàn cho chuyến bay.

14. **Người đề nghị cấp phép bay:** là người khai thác tàu bay, người vận chuyển hoặc người được người khai thác tàu bay hoặc người vận chuyển ủy quyền thực hiện đề nghị cấp phép cho chuyến bay.

15. **AFTN:** (Aeronautical Fixed Telecommunication Network) là mạng thông tin hàng không cố định, chuyên dùng trong hoạt động hàng không dân dụng.

16. **IATA:** (International Air Transport Association) là Hiệp hội Vận tải hàng không quốc tế.

17. **ICAO: (**International Civil Aviation Organization) là Tổ chức Hàng không dân dụng quốc tế.

Điều 4. Cơ quan cấp, sửa đổi, hủy bỏ phép bay cho chuyến bay thực hiện hoạt động bay dân dụng tại Việt Nam

1. Cục Hàng không Việt Nam cấp, sửa đổi, hủy bỏ phép bay cho các chuyến bay thực hiện hoạt động bay dân dụng tại Việt Nam theo quy định tại khoản 3 Điều 15 của Nghị định số 94/2007/NĐ-CP ngày 04 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ về quản lý hoạt động bay.

a) Địa chỉ gửi đơn đề nghị cấp, sửa đổi phép bay cho chuyến bay đi đến:

Phòng Vận tải hàng không, Cục Hàng không Việt Nam.

119 Nguyễn Sơn, Quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 84-4-38272281; Fax: 84-4-38272290; AFTN: VVVVYVYX.

Email: atd@caa.gov.vn.

Thời gian làm việc: Từ thứ Hai đến thứ Sáu.

Sáng: từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút; Chiều: từ 13 giờ 00 phút đến 16 giờ 30 phút.

b) Địa chỉ gửi đơn đề nghị cấp, sửa đổi phép bay cho chuyến bay quá cảnh:

Phòng Quản lý hoạt động bay, Cục Hàng không Việt Nam.

119 Nguyễn Sơn, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 84-4-38723600; Fax: 84-4-38274194; AFTN: VVVVYAAN.

Email: and@caa.gov.vn.

Thời gian làm việc: Từ thứ Hai đến thứ Sáu.

Sáng: từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút; Chiều: từ 13 giờ 00 phút đến 16 giờ 30 phút.

2. Tổng Công ty Quản lý bay Việt Nam cấp, sửa đổi, hủy bỏ phép bay:

a) Cho các chuyến bay được quy định tại khoản 5 Điều 15 của Nghị định số 94/2007/NĐ-CP ngày 04 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ về quản lý hoạt động bay;

b) Địa chỉ gửi đơn đề nghị cấp, sửa đổi phép bay đối với các trường hợp nêu tại khoản này như sau:

Trung tâm hiệp đồng Điều hành bay, Tổng Công ty Quản lý bay Việt Nam.

5/200 Nguyễn Sơn, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 84-4-38271840; Fax: 84-4-38259222;

AFTN: VVVVZGZX; Email: atc_c@hn.vnn.vn.

Thời gian làm việc: 24/24 giờ, tất cả các ngày trong tuần.

Điều 5. Trách nhiệm của cơ quan cấp phép bay

1. Việc cấp phép bay tuân thủ theo các quy định tại Điều 82 Luật Hàng không dân dụng Việt Nam năm 2006, Nghị định số 94/2007/NĐ-CP ngày 04 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ về quản lý hoạt động bay, các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên và các yêu cầu quy định tại Thông tư này.

Người đề nghị cấp phép bay chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính trung thực của thông tin, tài liệu cung cấp. Trường hợp đặc biệt vì lý do an ninh, quốc phòng, cơ quan cấp phép bay có quyền từ chối cấp phép bay mà không cần nêu rõ lý do.

2. Đối với chuyến bay thường lệ đi đến, cơ quan cấp phép bay có trách nhiệm kiểm tra các yếu tố sau đây:

a) Chuyến bay được khai thác phù hợp với quyền vận chuyển hàng không được Cục Hàng không Việt Nam cấp đối với chuyến bay vận chuyển thương mại;

b) Tàu bay dự định khai thác có Giấy chứng nhận đủ điều kiện bay còn hiệu lực;

c) Người khai thác tàu bay có Giấy chứng nhận người khai thác tàu bay được Cục Hàng không Việt Nam cấp (đối với người khai thác tàu bay Việt Nam) hoặc phê chuẩn năng định khai thác (đối với người khai thác tàu bay nước ngoài);

d) Hãng hàng không có Chương trình An ninh hàng không được Cục Hàng không Việt Nam phê duyệt;

đ) Loại tàu bay, đường hàng không, tần suất và giờ khai thác dự kiến phù hợp với điều kiện khai thác an toàn, điều hòa, hiệu quả của cảng hàng không, sân bay, đường hàng không;

e) Việc thực hiện quy trình nêu tại Điều 7 Thông tư này đối với chuyến bay thực hiện hoạt động hàng không chung, chuyến bay vận chuyển thương mại trong vùng trời Việt Nam nhưng ngoài đường hàng không, ngoài khu vực hoạt động hàng không chung, ngoài vùng trời sân bay.

3. Đối với chuyến bay không thường lệ đi đến, cơ quan cấp phép bay có trách nhiệm kiểm tra các nội dung sau đây:

a) Các quy định tại các điểm b, điểm đ và điểm e khoản 2 của Điều này;

b) Các quy định tại các điểm c và điểm d khoản 2 của Điều này đối với chuyến bay vận chuyển thương mại, chuyến bay kinh doanh hàng không chung;

c) Việc thực hiện chuyến bay vận chuyển thương mại không ảnh hưởng xấu khai thác thương mại của chuyến bay thường lệ.

4. Đối với chuyến bay quá cảnh, cơ quan cấp phép bay có trách nhiệm kiểm tra các nội dung sau đây:

a) Tần suất, thời gian khai thác và đường hàng không dự kiến sử dụng phù hợp với khả năng cung ứng dịch vụ đảm bảo hoạt động bay an toàn, điều hòa, hiệu quả;

b) Người khai thác tàu bay đối với chuyến bay vận chuyển thương mại, kinh doanh hàng không chung có Giấy chứng nhận người khai thác tàu bay được Nhà chức trách hàng không tại quốc gia của người khai thác tàu bay cấp.

5. Đối với chuyến bay chuyển sân trong trường hợp tàu bay có Giấy chứng nhận đủ điều kiện bay tạm thời bị mất hiệu lực, cơ quan cấp phép bay có trách nhiệm phối hợp kiểm tra văn bản xác nhận của Nhà chức trách hàng không cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện bay về khả năng thực hiện chuyến bay an toàn (Special Flight Permit or Ferry Flight Permit).

Điều 6. Thủ tục cấp phép bay

1. Người đề nghị cấp phép bay cho các chuyến bay thực hiện hoạt động bay dân dụng tại Việt Nam gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị trực tiếp hoặc qua đường bưu điện, thư điện tử, Fax hoặc AFTN đến cơ quan cấp phép bay theo quy định tại Điều 4 Thông tư này và phải chịu trách nhiệm về các thông tin trong hồ sơ đề nghị. Hồ sơ bao gồm:

a) Đơn đề nghị theo mẫu quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Sơ đồ bay đối với chuyến bay hoạt động hàng không chung;

c) Bản sao văn bản xác nhận của nhà chức trách hàng không cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện bay về khả năng thực hiện chuyến bay an toàn (Special Flight Permit or Ferry Flight Permit) trong trường hợp tàu bay có Giấy chứng nhận đủ điều kiện bay tạm thời bị mất hiệu lực.

2. Thời hạn nộp hồ sơ đề nghị, thời hạn cấp, sửa đổi, hủy bỏ phép bay cho các chuyến bay thực hiện hoạt động bay dân dụng tại Việt Nam theo quy định tại Điều 17, Điều 18, Điều 19 và Điều 20 Nghị định số 94/2007/NĐ-CP ngày 04 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ về quản lý hoạt động bay.

Điều 7. Thủ tục phê duyệt phương án khai thác cho các chuyến bay thực hiện hoạt động hàng không chung, chuyến bay vận chuyển thương mại trong vùng trời Việt Nam nhưng ngoài đường hàng không, ngoài khu vực hoạt động hàng không chung, ngoài vùng trời sân bay

1. Trách nhiệm của người đề nghị cấp giấy phép bay:

Trước khi đề nghị cấp phép bay theo quy định tại Điều 6 Thông tư này cho các chuyến bay thực hiện hoạt động hàng không chung, chuyến bay vận chuyển thương mại trong vùng trời Việt Nam nhưng ngoài đường hàng không, ngoài khu vực hoạt động hàng không chung, ngoài vùng trời sân bay, người đề nghị cấp phép bay phải nộp 02 bộ hồ sơ đề nghị phê duyệt phương án khai thác trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Cục Hàng không Việt Nam và phải chịu trách nhiệm về các thông tin trong hồ sơ.

2. Hồ sơ đề nghị phê duyệt phương án khai thác bao gồm:

a) Đơn đề nghị phê duyệt phương án khai thác theo mẫu quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Bản sao các giấy tờ chứng minh tư cách pháp lý của người vận chuyển, người khai thác tàu bay;

c) Báo cáo về khu vực hoạt động, sân bay hoặc bãi đáp ngoài sân bay;

d) Sơ đồ bay;

đ) Phương thức bay;

e) Báo cáo về việc hiệp đồng cung cấp dịch không lưu;

g) Báo cáo về tần suất bay;

h) Phương án bảo đảm an toàn, an ninh hàng không cho chuyến bay.

3. Trách nhiệm của Cục Hàng không Việt Nam:

a) Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ và đánh giá nội dung kê khai trong hồ sơ đề nghị phê duyệt phương án khai thác. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Cục Hàng không Việt Nam có văn bản yêu cầu người đề nghị hoàn thiện hồ sơ, thời hạn phê duyệt tính từ khi hồ sơ được hoàn thiện theo yêu cầu;

b) Trong thời hạn 3 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm xem xét, gửi văn bản trực tiếp, qua đường bưu điện hoặc Fax lấy ý kiến thống nhất của Cục Tác chiến Bộ Quốc phòng về phương án khai thác. Cục Tác chiến Bộ Quốc phòng có trách nhiệm trả lời đồng ý hoặc không đồng ý và nêu rõ lý do trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị;

c) Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được ý kiến đồng ý của Cục Tác chiến Bộ Quốc phòng, Cục Hàng không Việt Nam tổ chức thẩm định, phê duyệt phương án khai thác. Trường hợp không chấp thuận, Cục Hàng không Việt Nam thông báo bằng văn bản tới người đề nghị và nêu rõ lý do.

4. Thời hạn cấp phép bay cho các chuyến bay cụ thể theo phương án khai thác đã được phê duyệt:

Thời hạn cấp phép bay cho các chuyến bay cụ thể theo phương án khai thác đã được phê duyệt theo quy định của Điều này tối đa là 5 giờ làm việc kể từ thời điểm nhận được đơn đề nghị cấp phép bay.

Điều 8. Phép bay chuyển sân đối với chuyến bay trong điều kiện tàu bay có Giấy chứng nhận đủ điều kiện bay tạm thời bị mất hiệu lực

1. Đối với chuyến bay của tàu bay có Giấy chứng nhận đủ điều kiện bay của Việt Nam, người khai thác tàu bay phải thực hiện thủ tục đề nghị cấp phép bay chuyển sân theo quy định của Bộ quy chế An toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 01/2011/TT-BGTVT ngày 27 tháng 01 năm 2011 của Bộ Giao thông vận tải.

2. Đối với chuyến bay của tàu bay có Giấy chứng nhận đủ điều kiện bay của nước ngoài, người khai thác tàu bay phải có phép bay chuyển sân (hoặc phép bay đặc biệt) do Nhà chức trách hàng không của quốc gia cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện bay cấp, bao gồm các nội dung sau:

a) Thông tin về tàu bay, động cơ tàu bay, tổ bay;

b) Mục đích của chuyến bay; hành trình dự kiến;

c) Các nội dung không tuân thủ yêu cầu đủ điều kiện bay áp dụng;

d) Các khuyến cáo của nhà chế tạo tàu bay, các giới hạn mà người khai thác tàu bay cho là cần thiết để khai thác tàu bay an toàn;

đ) Các điều kiện, giới hạn khai thác bổ sung của nhà chức trách hàng không của quốc gia cấp phép bay chuyển sân;

e) Thời hạn hiệu lực của phép bay chuyển sân.

Điều 9. Địa chỉ triển khai phép bay

1. Người đề nghị cấp phép bay: Như địa chỉ nêu trong đơn đề nghị cấp phép bay.

2. Trung tâm quản lý - Điều hành bay quốc gia:

Quân chủng Phòng không - Không quân.

176 Đường Trường Chinh - Quận Thanh Xuân - Thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 84-4-35635385/84-69562254; Fax: 84-4-38533652.

AFTN: VVVVYXYX.

Thời gian làm việc: 24/24 giờ, tất cả các ngày trong tuần.

3. Trung tâm hiệp đồng Điều hành bay, Tổng công ty Quản lý bay Việt Nam.

Địa chỉ liên lạc như nêu tại khoản 2, Điều 4 của Thông tư này.

Thời gian làm việc: 24/24 giờ, tất cả các ngày trong tuần.

4. Cảng vụ Hàng không miền Bắc:

Cảng hàng không quốc tế Nội Bài, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 84-4-38840114/35844176; Fax: 84-4-38865832.

AFTN: VVNBYDYX; Email: naa@naa.gov.vn

Thời gian làm việc: 24/24 giờ, tất cả các ngày trong tuần.

5. Cảng vụ Hàng không miền Trung:

Cảng hàng không quốc tế Đà Nẵng, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng.

Điện thoại: 84-511-3656049; Fax: 84-511-3646688;

AFTN: VVDNYDYX; Email: cvmt@caa.gov.vn

Thời gian làm việc: 24/24 giờ, tất cả các ngày trong tuần.

6. Cảng vụ Hàng không miền Nam:

Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 84-8-35470418; Fax: 84-8-35470409;

AFTN: VVTSYDYX; Email: gsat@saa.gov.vn

Thời gian làm việc: 24/24 giờ, tất cả các ngày trong tuần.

7. Tổng Công ty Cảng hàng không miền Bắc:

Cảng hàng không quốc tế Nội Bài, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 84-4-38865540; Fax: 84-4-38865047;

AFTN: VVNBZPZX; Email: contacts@nacorp.com.vn

Thời gian làm việc: 24/24 giờ, tất cả các ngày trong tuần.

8. Tổng Công ty Cảng hàng không miền Trung:

Cảng hàng không quốc tế Đà Nẵng, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng.

Điện thoại: 84-511-3614572; Fax: 84-511-3823393;

AFTN: VVDNZPZX; Email: kehoach@mac.gov.vn

Thời gian làm việc: 24/24 giờ, tất cả các ngày trong tuần.

9. Tổng Công ty Cảng hàng không miền Nam:

Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 84-8-38485383; Fax: 84-8-38445127;

AFTN: VVTSZPZX; Email: trucbantruong@sac.org.vn

Thời gian làm việc: 24/24 giờ, tất cả các ngày trong tuần.

Điều 10. Thủ tục nhận thông báo bay và chấp thuận cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay đối với chuyến bay qua, bay trong phần vùng thông báo bay trên biển quốc tế do Việt Nam quản lý

1. Thủ tục nhận thông báo bay và chấp thuận cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay đối với chuyến bay qua, bay trong phần vùng thông báo bay trên biển quốc tế do Việt Nam quản lý thực hiện theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 94/2007/NĐ-CP ngày 04 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ về quản lý hoạt động bay.

2. Thông báo bay được gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện, thư điện tử, Fax hoặc AFTN đến cơ sở cung cấp dịch vụ không lưu theo địa chỉ:

a) Trung tâm Kiểm soát đường bay Hà Nội, Công ty Quản lý bay miền Bắc:

Cảng hàng không quốc tế Nội Bài, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 84-4-38865352; Fax: 84-4-38866185;

AFTN: VVNBZRZX; Email: norats@hn.vnn.vn

b) Trung tâm Kiểm soát đường dài Hồ Chí Minh, Công ty Quản lý bay miền Nam:

22 Trần Quốc Hoàn, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 84-8-38441132/38441153; Fax: 84-8-38443774.

AFTN: VVTSZRZX; Email: sorats@hcm.vnn.vn.

c) Trung tâm hiệp đồng Điều hành bay, Tổng Công ty Quản lý bay Việt Nam:

5/200 Nguyễn Sơn, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội.

AFTN: VVVVZGZX; SITA: HANZGVN, HANZAVN.

Điều 11. Lập và triển khai kế hoạch hoạt động bay

1. Căn cứ vào thông tin về phép bay đã được các cơ quan liên quan cấp, Tổng Công ty Quản lý bay Việt Nam lập kế hoạch hoạt động bay dân dụng theo mùa, theo ngày và gửi cho Trung tâm Quản lý điều hành bay Quốc gia, các Cảng vụ Hàng không khu vực, các Tổng Công ty Cảng hàng không và các cơ sở cung cấp dịch vụ không lưu liên quan. Kế hoạch hoạt động bay dân dụng theo ngày được gửi muộn nhất vào 15 giờ 00 phút (giờ Việt Nam) ngày hôm trước.

2. Sau khi nhận được kế hoạch hoạt động bay quân sự liên quan đến hoạt động bay dân dụng Trung tâm Quản lý điều hành bay quốc gia, Tổng Công ty Quản lý

bay Việt Nam tổng hợp, gửi kế hoạch cho các Cảng vụ Hàng không khu vực, các Tổng Công ty Cảng hàng không và cơ sở cung cấp dịch vụ không lưu liên quan.

3. Trên cơ sở các phép bay, kế hoạch hoạt động bay dân dụng và kế hoạch hoạt động bay quân sự nhận được, các Tổng Công ty Cảng hàng không lập kế hoạch hoạt động bay hàng ngày đối với các chuyến bay đi từ hoặc đến các cảng hàng không, sân bay trong khu vực thuộc Tổng Công ty Cảng hàng không quản lý, thông báo cho Cảng vụ Hàng không khu vực liên quan và triển khai đến các đơn vị trực thuộc, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay. Kế hoạch hoạt động bay hàng ngày được lập dưới dạng biểu mẫu, sử dụng giờ hoạt động là giờ địa phương, mã hiệu 03 chữ cái tên cảng hàng không, sân bay theo quy định của IATA.

4. Cảng vụ Hàng không khu vực triển khai kế hoạch hoạt động bay hàng ngày quy định tại khoản 2 của Điều này đến Cảng vụ Hàng không trực thuộc và cơ quan quản lý nhà nước tại cảng hàng không, sân bay liên quan; giám sát việc triển khai kế hoạch hoạt động bay của Tổng Công ty Cảng hàng không.

Điều 12. Hiệu lực, trách nhiệm thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 45 ngày, kể từ ngày ký và bãi bỏ khoản 9, khoản 10 và khoản 11 Điều 1 Thông tư số 16/2011/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2011 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 26/2009/TT-BGTVT ngày 28 tháng 10 năm 2009 của Bộ Giao thông vận tải quy định về vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung.

2. Ban hành kèm theo Thông tư này 02 Phụ lục:

a) Phụ lục 1: Mẫu đơn đề nghị cấp phép bay cho các chuyến bay thực hiện hoạt động bay dân dụng tại Việt Nam;

b) Phụ lục 2: Mẫu đơn đề nghị phê duyệt phương án khai thác đối với chuyến bay thực hiện hoạt động hàng không chung, chuyến bay vận chuyển thương mại trong vùng trời Việt Nam nhưng ngoài đường hàng không, ngoài khu vực hoạt động hàng không chung, ngoài vùng trời sân bay.

3. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, Vụ trưởng các Vụ, Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

BỘ TRƯỞNG

Đinh La Thăng

Phụ lục 1
Mẫu đơn đề nghị cấp phép bay cho các chuyến bay thực hiện hoạt động bay dân dụng tại Việt Nam
(Ban hành kèm theo Thông tư số 62/2011/TT-BGTVT ngày 21 tháng 12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Đơn đề nghị cấp phép bay đến và đi từ lãnh thổ Việt Nam
(Chuyến bay thường lệ mùa Hè/Đông...)

Kính gửi: Cục Hàng không Việt Nam

Ngày:.....

Số tham chiếu:.....

1. Người vận chuyển/Người khai thác:

- Tên:.....

- Địa chỉ liên lạc (địa chỉ bưu điện và SITA/AFTN/TEL/FAX/Email):.....

.....

2. Lịch bay (Giờ quốc tế/địa phương):

Số hiệu chuyến bay	Hiệu lực từ	Hiệu lực đến	Ngày khai thác	Sân bay cất cánh[1]	Giờ dự kiến cất cánh[2]	Sân bay hạ cánh[1]	Giờ dự kiến hạ cánh[2]	Loại tàu bay	Số ghế (Đối với chuyến bay hành khách)/ trọng tải thương mại (tấn) (Đối với chuyến bay hàng hóa)

3. Đường bay không lưu:

Số hiệu chuyến bay	Loại tàu bay	Đường bay không lưu[3]	Điểm bay vào/thời gian dự kiến bay qua điểm bay vào[4]	Điểm bay ra/thời gian dự kiến bay qua điểm bay ra[4]	Mực bay	Loại quy tắc bay[5]

4. Đội tàu bay[6]

Loại tàu bay	Số hiệu đăng ký	Trọng tải cất cánh tối đa (Tấn)

5. Người xin phép:

- Địa chỉ liên lạc (địa chỉ bưu điện và SITA/AFTN/TEL/FAX/Email):.....

.....

- Tên; chữ ký; chức vụ:

Ghi chú:

[1] Mã hiệu 3 chữ.

[2] Chỉ rõ giờ quốc tế (UTC) hoặc địa phương.

[3] Trong phạm vi các vùng thông báo bay của Việt Nam.

[4] Giờ quốc tế (UTC).

[5] Quy tắc bay bằng mắt (VFR) hoặc bằng thiết bị (IFR).

[6] Chỉ liệt kê các tàu bay dự kiến sử dụng trong lịch bay đi/đến Việt Nam.

Đơn đề nghị cấp phép bay đến và đi từ lãnh thổ Việt Nam
(Các) Chuyến bay không thường lệ

Kính gửi: Cục Hàng không Việt Nam

Ngày:.....
Số tham chiếu:.....

1. Người vận chuyển/Người khai thác:

- Tên:.....
- Địa chỉ liên lạc (địa chỉ bưu điện và SITA/AFTN/thư điện tử/điện thoại/Fax):

.....

2. Tàu bay:

- Loại tàu bay:.....
- Quốc tịch, số đăng ký:.....
- Trọng tải cất cánh tối đa:.....
- Số lượng ghế của tàu bay (đối với chuyến bay hành khách)/ Trọng tải thương mại của tàu bay (tấn) (đối với chuyến bay hàng hóa):.....

3. Hành trình:

Ngày tháng	Số hiệu chuyến bay	Sân bay đi[1]/Giờ dự kiến cất cánh[2]	Sân bay đến[1]/Giờ dự kiến hạ cánh[2]
.....	.....	.....	.....

4. Đường hàng không bao gồm điểm bay vào, bay ra vùng trời thuộc quyền quản lý điều hành của Việt Nam và giờ dự kiến bay qua điểm bay vào, bay ra[3]; độ cao/mực bay:.....

5. Người chỉ huy tàu bay[4]:

- Tên:.....
- Quốc tịch:.....

6. Mục đích chuyến bay:.....

7. Sơ đồ bay trong vùng trời thuộc quyền quản lý điều hành của Việt Nam (đối với các chuyến bay hoạt động hàng không chung), (được gửi kèm theo).

8. Người xin phép bay:

- Địa chỉ liên lạc (địa chỉ bưu điện và SITA/AFTN/thư điện tử/số điện thoại, Fax):

.....

- Tên, chức vụ, chữ ký:.....

Ghi chú:

[1] Mã hiệu 3 chữ của sân bay.

[2] Chỉ rõ giờ quốc tế (UTC) hoặc địa phương.

[3] Giờ quốc tế (UTC).

[4] Chỉ yêu cầu đối với chuyến bay có người khai thác tàu bay là cá nhân.

Đơn đề nghị cấp phép bay quá cảnh

Kính gửi: Cục Hàng không Việt Nam

Ngày:.....

Số tham chiếu:.....

1. Người khai thác:

- Tên:.....

- Địa chỉ liên lạc (Địa chỉ bưu điện/AFTN/Thư điện tử/Điện thoại/Fax):

.....

2. Tàu bay:

- Loại tàu bay:.....

- Quốc tịch, số đăng ký:.....

- Trọng tải cất cánh tối đa:.....

- Tên gọi thoại (nếu không có số hiệu chuyến bay):.....

3. Hành trình:

* Đối với chuyến bay thường lệ:

Số hiệu chuyến bay	Hiệu lực từ ngày/tháng/năm	Hiệu lực đến ngày/tháng/năm	Ngày khai thác trong tuần	Sân bay đi/ giờ dự kiến cất cánh	Sân bay đến/ giờ dự kiến hạ cánh
.....	.....	.....	.....	.....	.....
.....	.....	.....	.....		.....

* Đối với chuyến bay không thường lệ:

Ngày tháng	Số hiệu chuyến bay	Sân bay đi/giờ dự kiến cất cánh	Sân bay đến/giờ dự kiến hạ cánh
.....	.....	.....	.....

4. Đường hàng không

- Tên đường hàng không, điểm bay vào/giờ bay qua; điểm bay ra/giờ bay qua:

- Độ cao/mực bay:.....

5. Kiểu loại phương tiện thông tin, dẫn đường, giám sát trên tàu bay:.....

6. Mục đích chuyến bay:..... (Số lượng hành khách/trọng lượng và chủng loại hàng hóa chuyên chở):

7. Sơ đồ bay trong vùng trời thuộc quyền quản lý điều hành của Việt Nam (chỉ yêu cầu đối với hoạt động bay ngoài đường hàng không).

8. Địa chỉ thanh toán: (nếu có khác biệt với địa chỉ của người khai thác)

- Tên:.....

- Địa chỉ liên lạc (địa chỉ bưu điện/AFTN/Thư điện tử/Điện thoại/Fax):

9. Người xin phép bay: (nếu có khác biệt với địa chỉ của người khai thác)

- Tên:.....

- Địa chỉ liên lạc (địa chỉ bưu điện/AFTN/Thư điện tử/Điện thoại/Fax):

Ghi chú:

- Thời gian được tính là hai mươi bốn (24) giờ trong ngày và là giờ quốc tế (UTC)

- Mã hiệu sân bay: Mã hiệu 4 chữ của Tổ chức Hàng không dân dụng Quốc tế (ICAO).

Người đề nghị cấp phép bay
(Tên, chức vụ, chữ ký)

Phụ lục 2

Mẫu đơn đề nghị phê duyệt phương án khai thác đối với chuyến bay thực hiện hoạt động hàng không chung, chuyến bay vận chuyển thương mại trong vùng trời Việt Nam nhưng ngoài đường hàng không, ngoài khu vực hoạt động hàng không chung, ngoài vùng trời sân bay

(Ban hành kèm theo Thông tư số 62/2011/TT-BGTVT ngày 21 tháng 12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

ĐƠN ĐỀ NGHỊ PHÊ DUYỆT PHƯƠNG ÁN KHAI THÁC

(Áp dụng đối với chuyến bay thực hiện hoạt động hàng không chung, chuyến bay vận chuyển thương mại trong vùng trời Việt Nam nhưng ngoài đường hàng không, ngoài khu vực hoạt động hàng không chung, ngoài vùng trời sân bay)

Kính gửi: Cục Hàng không Việt Nam

Tên tổ chức, cá nhân:.....

Địa chỉ bưu điện:.....

Điện thoại:..... Fax:..... Email:..... Website (nếu có):.....

đề nghị phê duyệt phương án khai thác cho các chuyến bay thực hiện hoạt động hàng không chung.

Chúng tôi cam kết chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và chính xác của nội dung Đơn đề nghị và hồ sơ kèm theo.

Người đề nghị

(Ký tên, ghi rõ chức danh)

Tài liệu gửi kèm bao gồm:

1. Bản sao các giấy tờ chứng minh tư cách pháp lý của người vận chuyển, người khai thác tàu bay;
2. Báo cáo về khu vực hoạt động, sân bay hoặc bãi đáp ngoài sân bay;
3. Sơ đồ bay;
4. Phương thức bay;
5. Báo cáo về việc hiệp đồng cung cấp dịch không lưu;
6. Báo cáo về tần suất bay;
7. Phương án bảo đảm an ninh hàng không cho chuyến bay.